

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

**Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính
cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	4-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10-22



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011.

1. Công ty

Công ty cổ phần điện tử Bình Hòa ("Công ty") được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004312 đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 2 năm 2006, thay đổi lần thứ nhất ngày 7 tháng 8 năm 2007 và thay đổi lần thứ hai vào ngày 17 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính tại số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Thiết kế, chế tạo, sản xuất, mua bán thiết bị điện, điện tử, tin học viễn thông (kể cả phần cứng, phần mềm).
- Sản xuất, mua bán máy điều hòa không khí, thiết bị hệ thống lạnh.
- Thiết kế, sản xuất, mua bán các linh kiện, cụm linh kiện, chi tiết cho các thiết bị điện, điện tử, máy điều hòa không khí, hệ thống lạnh.
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê căn hộ, văn phòng, kho tàng, nhà xưởng, bến bãi.
- Dịch vụ lắp đặt, bảo trì các thiết bị, hệ thống lạnh, mạng tin học, âm thanh, ánh sáng.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu dân cư.

3. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Bùi Kim Khánh	Thành viên (từ nhiệm ngày 28/05/2011)
Ông Nguyễn Thế Mạnh	Thành viên (từ nhiệm ngày 28/05/2011)
Ông Trần Thanh Lưu	Thành viên (được bổ nhiệm ngày 28/05/2011)
Bà Lê Thị Ngọc Thủy	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thành	Giám đốc
Ông Trần Minh Đức	Phó Giám đốc
Ông Phan Cao Hiệp	Phó Giám đốc

4. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6. Kiểm toán viên

Công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

8. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ông NGUYỄN ANH DŨNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2011

Số : 000195HCM/57.11/SX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

về Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
của
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính gồm : Bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa (gọi tắt là "Công ty"), được trình bày từ trang 4 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính đính kèm theo đây, không phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



ĐẶNG THỊ MỸ VÂN
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số 0173/KTV

CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2011



PHAN THỊ BÍCH CHÂU
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số Đ 0081/KTV

CÔNG TY CP ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.037.975.370	35.504.083.598
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	3.744.227.638	4.238.667.915
Tiền	111		3.744.227.638	4.238.667.915
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130	4.2	13.357.039.236	15.142.561.444
Phải thu khách hàng	131		9.703.618.064	11.241.192.110
Trả trước cho người bán	132		1.341.530.624	876.900.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135		2.311.890.548	3.024.469.334
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
Hàng tồn kho	140	4.3	14.914.379.444	15.725.838.784
Hàng tồn kho	141		15.322.814.853	15.725.838.784
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(408.435.409)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.022.329.052	397.015.455
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		861.696.801	63.651.669
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.11	88.632.251	325.863.786
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		72.000.000	7.500.000

CÔNG TY CP ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.130.891.426	8.043.886.000
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		4.684.344.444	5.322.978.657
Tài sản cố định hữu hình	221	4.4	4.601.116.535	5.322.978.657
Nguyên giá	222		25.238.554.030	25.469.376.862
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.637.437.495)	(20.146.398.205)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.5	-	-
Nguyên giá	228		127.708.107	127.708.107
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(127.708.107)	(127.708.107)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		83.227.909	-
Bất động sản đầu tư	240	4.6	1.201.546.364	1.432.331.134
Nguyên giá	241		6.211.957.943	6.211.957.943
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(5.010.411.579)	(4.779.626.809)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.7	956.500.000	956.500.000
Đầu tư vào công ty con	251		510.000.000	510.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		446.500.000	446.500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260	4.8	288.500.618	332.076.209
Chi phí trả trước dài hạn	261		288.500.618	332.076.209
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		40.168.866.796	43.547.969.598

CÔNG TY CP ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		7.083.283.997	9.157.655.103
Nợ ngắn hạn	310		6.919.517.527	9.147.156.641
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312	4.9	3.042.236.791	6.859.176.245
Người mua trả tiền trước	313	4.10	223.954.084	1.261.509.550
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.11	1.257.886.354	793.174.796
Phải trả công nhân viên	315		1.287.706.177	-
Chi phí phải trả	316	4.12	249.667.630	-
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.13	483.726.467	215.743.275
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.14	374.340.024	17.552.775
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		163.766.470	10.498.462
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	4.15	38.710.000	10.000.000
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		125.056.470	498.462
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		33.085.582.799	34.390.314.495
Vốn chủ sở hữu	410	4.16	33.085.582.799	34.390.314.495
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.000.000.000	29.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.571.317.902	1.457.732.151
Quỹ dự phòng tài chính	418		274.310.406	161.310.406
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.239.954.491	3.771.271.938
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		40.168.866.796	43.547.969.598


CÔNG TY CP ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 6 năm 2011

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		30.303.500	30.303.500
Ngoại tệ các loại (USD)	4.1	107.568,93	141.587,31
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



LÊ THỊ NGỌC THỦY
Kê toán trưởng





NGUYỄN VĂN THÀNH
Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2011


CÔNG TY CP ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		49.349.812.874	55.033.187.503
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	4.471.075
Doanh thu thuần	10	5.1	49.349.812.874	55.028.716.428
Giá vốn hàng bán	11	5.2	41.888.803.184	47.297.340.913
Lợi nhuận gộp	20		7.461.009.690	7.731.375.515
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	2.521.040.969	947.730.926
Chi phí tài chính	22	5.4	1.072.260.322	574.263.650
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	134.500.000
Chi phí bán hàng	24	5.5	1.403.012.662	1.471.960.575
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	5.025.038.940	4.432.707.970
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		2.481.738.735	2.200.174.246
Thu nhập khác	31	5.7	348.977.097	41.732.357
Chi phí khác	32	5.8	77.861.850	52.592.520
Lợi nhuận khác	40		271.115.247	(10.860.163)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.752.853.982	2.189.314.083
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	512.899.491	278.502.334
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.239.954.491	1.910.811.749
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		772	659




LÊ THỊ NGỌC THỦY
 Kế toán trưởng


NGUYỄN VĂN THÀNH
 Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2011

CÔNG TY CP ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Mã số	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	2.752.853.982	2.189.314.083
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	965.578.710	1.096.820.125
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	408.435.409	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(389.783.477)	(361.626.260)
Chi phí lãi vay	06	-	134.000.000
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	3.737.084.624	3.058.507.948
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	1.875.025.834	3.373.820.445
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	403.023.931	(750.704.865)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(2.100.351.094)	575.853.490
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(754.469.541)	(62.489.114)
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(134.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(872.416.752)	(887.603.463)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	28.710.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(287.898.938)	(272.221.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.028.708.064	4.901.163.241
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(12.931.818)	(27.170.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	289.454.545	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	100.328.932	361.626.260
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	376.851.659	334.456.260
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(4.000.000.000)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.900.000.000)	(1.740.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.900.000.000)	(5.740.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	50	(494.440.277)	(504.380.499)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	60	4.238.667.915	2.332.079.965
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	3.744.227.638	1.827.699.466

LÊ THỊ NGỌC THÙY
Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN THÀNH
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần điện tử Bình Hòa ("Công ty") được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004312 đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 2 năm 2006, thay đổi lần thứ nhất ngày 7 tháng 8 năm 2007 và thay đổi lần thứ hai vào ngày 17 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính tại số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Thiết kế, chế tạo, sản xuất, mua bán thiết bị điện, điện tử, tin học viễn thông (kể cả phần cứng, phần mềm).
- Sản xuất, mua bán máy điều hòa không khí, thiết bị hệ thống lạnh.
- Thiết kế, sản xuất, mua bán các linh kiện, cụm linh kiện, chi tiết cho các thiết bị điện, điện tử, máy điều hòa không khí, hệ thống lạnh.
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê căn hộ, văn phòng, kho tàng, nhà xưởng, bến bãi.
- Dịch vụ lắp đặt, bảo trì các thiết bị, hệ thống lạnh, mạng tin học, âm thanh, ánh sáng.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu dân cư.

Ngày 29 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch. Giấy chứng nhận giao dịch cổ phiếu số 88/TTGDHN/ĐKGD ngày 19 tháng 12 năm 2006.

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông;
- Mã chứng khoán: VBH;
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng;
- Số lượng cổ phiếu: 2.900.000 cổ phiếu;
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 29.000.000.000 đồng.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2011, tổng số nhân viên của Công ty là 729 người, trong đó số nhân viên quản lý là 40 người.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí phát sinh và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho mỗi đơn vị sản phẩm theo sản lượng thành phẩm sản xuất trong kỳ (tháng).

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 6 năm

3.6 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm giá trị nhà kho và phân xưởng của Công ty được dùng cho thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động.

Khấu hao bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 10 năm.

3.8 Đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, phí duy trì tên miền, phí duy trì mail, lưu trữ trang web,... Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm kể từ khi phát sinh.

3.10 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.11 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

3.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu và số lao động, Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong 10 năm đầu (từ năm 2006), và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm (năm 2006 và năm 2007), và được giảm 50% số thuế phải nộp từ năm 2008 đến năm 2011.

3.13 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số 6.1.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	107.831.500	33.922.753
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	1.423.702.970	1.524.214.209
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	2.212.693.168	2.680.530.953
	<u>3.744.227.638</u>	<u>4.238.667.915</u>

Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn bằng USD vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 107.568,93 USD tương đương 2.212.693.168 đồng.

4.2 Các khoản phải thu

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu thương mại		
Phải thu khách hàng trong nước - VND	2.659.199.614	2.832.597.320
Phải thu khách hàng nước ngoài - USD	7.044.418.450	8.408.594.790
	<u>9.703.618.064</u>	<u>11.241.192.110</u>

Trả trước cho người bán

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Trả trước khách hàng trong nước - VND	1.058.000.000	876.900.000
Trả trước khách hàng nước ngoài - USD	283.530.624	-
	<u>1.341.530.624</u>	<u>876.900.000</u>

Các khoản phải thu khác

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu từ TECCO	2.010.876.918	2.410.876.918
Phải thu khác	301.013.630	613.592.416
	<u>2.311.890.548</u>	<u>3.024.469.334</u>

(a) Đây là khoản công nợ phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và ứng dụng công nghệ mới (TECCO) do việc thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh số 30/HĐHTKD ngày 07 tháng 12 năm 2007 về đầu tư góp vốn dự án xây dựng cụm Chung cư phường Linh Đông, quận Thủ Đức. Công ty Tecco hiện đang sở hữu 791.100 cổ phần của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa chiếm tỷ lệ 27,28% trên tổng vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

4.3 Hàng tồn kho

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên vật liệu	13.782.761.862	15.109.174.272
Công cụ, dụng cụ	525.312.464	531.174.179
Sản phẩm dở dang	279.363.820	-
Thành phẩm	735.376.707	85.490.333
Cộng giá gốc hàng tồn kho	15.322.814.853	15.725.838.784
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(408.435.409)	-
Giá trị thuần	14.914.379.444	15.725.838.784

4.4 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Vào ngày 01/01/2011	16.497.634.749	5.006.082.711	2.262.197.296	1.703.462.106	25.469.376.862
Tăng trong kỳ	-	-	-	12.931.818	12.931.818
Giảm trong kỳ	-	(243.754.650)	-	-	(243.754.650)
Vào ngày 30/06/2011	16.497.634.749	4.762.328.061	2.262.197.296	1.716.393.924	25.238.554.030
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 01/01/2011	12.146.676.522	4.442.883.014	1.986.277.135	1.570.561.534	20.146.398.205
Khấu hao trong năm	447.939.600	118.365.307	93.322.533	75.166.500	734.793.940
Giảm trong kỳ	-	(243.754.650)	-	-	(243.754.650)
Vào ngày 30/06/2011	12.594.616.122	4.317.493.671	2.079.599.668	1.645.728.034	20.637.437.495
Giá trị còn lại					
Vào ngày 01/01/2011	4.350.958.227	563.199.697	275.920.161	132.900.572	5.322.978.657
Vào ngày 30/06/2011	3.903.018.627	444.834.390	182.597.628	70.665.890	4.601.116.535
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng					7.852.265.756

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

4.5 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Bản quyền hệ điều hành Microsoft VND	Phần mềm quản lý vật tư VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2011	108.436.107	19.272.000	127.708.107
Vào ngày 30/06/2011	108.436.107	19.272.000	127.708.107
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2010	108.436.107	19.272.000	127.708.107
Khấu hao trong năm	-	-	-
Vào ngày 30/06/2011	108.436.107	19.272.000	127.708.107
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2011	-	-	-
Vào ngày 30/06/2011	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng **127.708.107**

4.6 Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Vào ngày 01/01/2011	6.211.957.943	6.211.957.943
Tăng trong kỳ	-	-
Vào ngày 30/06/2011	6.211.957.943	6.211.957.943
Giá trị hao mòn lũy kế		
Vào ngày 01/01/2011	4.779.626.809	4.779.626.809
Khấu hao trong năm	230.784.770	230.784.770
Tăng do phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình		
Vào ngày 30/06/2011	5.010.411.579	5.010.411.579
Giá trị còn lại		
Vào ngày 01/01/2011	1.432.331.134	1.432.331.134
Vào ngày 30/06/2011	1.201.546.364	1.201.546.364

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

4.7 Đầu tư dài hạn

		30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Đầu tư vào Công ty con	(a)	510.000.000	510.000.000
Đầu tư dài hạn khác	(b)	446.500.000	446.500.000
		956.500.000	956.500.000

(a) Đây là khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Bình Minh được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001194 ngày 11 tháng 9 năm 2002 và thay đổi lần thứ nhất vào ngày 11 tháng 5 năm 2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp; Hoạt động chính của công ty này là sản xuất linh kiện điện tử và vốn điều lệ đăng ký là 5.000.000.000 đồng, trong đó Công ty phải góp 51% tương ứng 2.550.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, Công ty đã góp 510.000.000 đồng đạt 20% của số vốn mà Công ty phải góp; Và chỉ đạt 30% trên tổng số vốn mà các cổ đông đã góp vào công ty này (1.699.000.000 đồng).

(b) Đây là khoản góp vốn đầu tư vào dự án Cao ốc căn hộ - Thương mại dịch vụ - Văn phòng cho thuê tại số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 11/HĐNT ngày 9 tháng 12 năm 2008 với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và ứng dụng Công nghệ mới (Tecco). Đây là khoản ứng trước theo thỏa thuận của Hợp đồng nguyên tắc, chưa xác định tổng số tiền phải góp và tiến độ góp vốn, đến thời điểm này dự án chưa triển khai xây dựng.

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

		30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Công cụ, dụng cụ		255.505.868	295.406.084
Phí duy trì mail offline		18.000.000	27.000.000
Phí lưu trữ trang web		3.600.000	5.400.000
Phí duy trì tên miền		2.619.750	3.158.250
Phần mềm kiểm tra vật tư		8.775.000	1.111.875
		288.500.618	332.076.209

4.9 Phải trả người bán

		30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải trả người bán trong nước - VND		136.516.641	-
Phải trả người bán nước ngoài - USD		2.905.720.150	6.859.176.245
		3.042.236.791	6.859.176.245

4.10 Người mua trả tiền trước

		30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Người mua trong nước - VND		85.990.045	1.261.509.550
Người mua nước ngoài - USD		137.964.039	-
		223.954.084	1.261.509.550

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

4.11 Thuế

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") đầu vào được khấu trừ *Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") đầu vào được*

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	88.632.251	325.863.786
	88.632.251	325.863.786

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	392.521.699	752.038.960
Thuế thu nhập cá nhân	40.987.415	41.135.836
Thuế nhà đất	824.377.240	-
	1.257.886.354	793.174.796

4.12 Chi phí phải trả

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí gia công	249.667.630	-
	249.667.630	-

4.13 Phải trả khác

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Kinh phí công đoàn	159.574.133	196.457.703
Bảo hiểm xã hội	133.505.548	-
Bảo hiểm y tế	139.126.331	-
Bảo hiểm thất nghiệp	32.234.883	-
Khác	19.285.572	19.285.572
	483.726.467	215.743.275

4.14 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Số dư đầu năm	17.552.775	45.380.766
Số trích trong năm	644.686.187	331.747.019
Số chi trong năm	(287.898.938)	(359.575.010)
Số dư cuối năm	374.340.024	17.552.775

4.15 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Kỳ quỹ ký cược dài hạn	38.710.000	10.000.000
	38.710.000	10.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

4.16 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước(01/01/2010)	29.000.000.000	1.227.538.151	161.310.406	2.301.941.019	32.690.789.576
Lãi trong năm nay	-	-	-	3.771.271.938	3.771.271.938
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	230.194.000	-	(230.194.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(331.747.019)	(331.747.019)
Chia cổ tức	-	-	-	(1.740.000.000)	(1.740.000.000)
Số dư cuối năm nay (31/12/2010)	29.000.000.000	1.457.732.151	161.310.406	3.771.271.938	34.390.314.495
Số dư đầu năm nay (01/01/2011)	29.000.000.000	1.457.732.151	161.310.406	3.771.271.938	34.390.314.495
Lãi trong năm nay	-	-	-	2.239.954.491	2.239.954.491
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	113.585.751	113.000.000	(226.585.751)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(644.686.187)	(644.686.187)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.900.000.000)	(2.900.000.000)
Số dư cuối kỳ (30/06/2011)	29.000.000.000	1.571.317.902	274.310.406	2.239.954.491	33.085.582.799

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004312 đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 2 năm 2006 và thay đổi lần thứ hai ngày 17 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ là 29.000.000.000 đồng được chia thành 2.900.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, chi tiết như sau:

- Vốn Nhà nước (đại diện là Tổng Công ty điện tử tin học Việt Nam) 1.479.000 cổ phần 51%
- Vốn cổ đông khác 1.421.000 cổ phần 49%

Cổ phiếu phổ thông

	30/06/2011	01/01/2011
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.900.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	6 tháng đầu 2011 VND	6 tháng đầu 2010 VND
Doanh thu bán thành phẩm	47.007.416.336	52.229.465.482
- Nội địa	16.203.551.017	17.012.101.820
- Xuất khẩu	30.803.865.319	35.217.363.662
Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.678.205.085	1.579.243.518
Doanh thu bán vật tư	219.222.141	869.705.589
Doanh thu bán phế liệu	66.825.169	27.290.103
Doanh thu cung cấp dịch vụ	378.144.143	327.482.811
Trừ: Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	(4.471.075)
Doanh thu thuần bán hàng hóa và dịch vụ	49.349.812.874	55.028.716.428

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

5.2 Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu 2011 VND	6 tháng đầu 2010 VND
Giá vốn bán thành phẩm	40.765.268.256	45.869.837.420
- Nội địa	15.785.820.910	16.120.308.122
- Xuất khẩu	24.979.447.346	29.749.529.298
Giá vốn kinh doanh bất động sản	810.240.802	693.429.613
Giá vốn bán vật tư	123.876.999	734.073.880
Giá vốn bán phế liệu	-	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	189.417.127	-
	41.888.803.184	47.297.340.913

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu 2011 VND	6 tháng đầu 2010 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	28.928.932	10.100.260
Cổ tức	71.400.000	81.600.000
Lãi cho vay vốn	-	269.926.000
Lãi chênh lệch tỷ giá thanh toán	2.420.712.037	586.104.666
	2.521.040.969	947.730.926

5.4 Chi phí tài chính

	6 tháng đầu 2011 VND	6 tháng đầu 2010 VND
Chi phí lãi vay	-	134.500.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá thanh toán	1.072.260.322	439.763.650
	1.072.260.322	574.263.650

5.5 Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu 2011 VND	6 tháng đầu 2010 VND
Chi phí vật liệu bao bì	865.403.871	777.226.441
Chi phí xuất hàng	366.704.245	580.672.092
Chi phí quảng cáo, hoa hồng	169.989.546	113.758.542
Chi phí khác	915.000	303.500
	1.403.012.662	1.471.960.575

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu 2011 VND	6 tháng đầu 2010 VND
Chi phí nhân viên	2.836.322.898	2.291.533.646
Chi phí đồ dùng văn phòng	195.520.901	166.866.504
Chi phí khấu hao	221.402.593	251.952.146
Tiền thuê đất	595.305.573	525.042.952
Thuế, phí và lệ phí	86.606.233	94.455.130
Chi phí khác	1.089.880.742	1.102.857.592
	5.025.038.940	4.432.707.970

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

5.7 Thu nhập khác

	6 tháng đầu 2011 VND	6 tháng đầu 2010 VND
Thu thanh lý tài sản	315.454.545	-
Thu tiền đến bù vật tư	33.522.552	41.356.816
Khác	-	375.541
	348.977.097	41.732.357

5.8 Chi phí khác

	6 tháng đầu 2011 VND	6 tháng đầu 2010 VND
Chi đền bù, bồi thường	-	3.992.520
Chi thù lao Hội đồng quản trị	51.100.000	48.600.000
Chi phí thanh lý tài sản	26.000.000	-
Chi phí khác	761.850	-
	77.861.850	52.592.520

5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	6 tháng đầu 2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	2.752.853.982
Điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế khi xác định lợi nhuận tính thuế	(328.217.027)
<i>Thu nhập không chịu thuế (cổ tức)</i>	(71.400.000)
<i>Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước</i>	(307.917.027)
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	51.100.000
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	2.424.636.955
Thu nhập chịu thuế theo thuế suất phổ thông (25%)	1.802.905.302
Thu nhập chịu thuế theo thuế suất ưu đãi (20% x 50%)	621.731.653
Chi phí thuế TNDN hiện hành	512.899.491

5.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu 2011 VND	6 tháng đầu 2010 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.239.954.491	1.910.811.749
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.900.000	2.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	772	659

3004
 CÔNG
 CH NHIE
 BD
 IET
 TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ tài chính và tại ngày kết thúc kỳ tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Công ty	Quan hệ
Tổng Công ty Điện tử Tin học Việt Nam	Cổ đông chi phối (công ty mẹ)
Công ty CP TM DV Bình Minh	Công ty con
Công ty cổ phần Đầu Tư XD và ứng dụng Công nghệ mới	Cổ đông

Trong kỳ tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau :

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND
Công ty CP TM DV Bình Minh	Cho thuê kho xưởng	78.639.000
	Dịch vụ điện nước	29.899.192
	Gia công sản phẩm	1.740.856.061
	Sửa chữa nhà xưởng	256.486.475
Công ty cổ phần Đầu Tư XD và ứng dụng Công nghệ mới	Thu nợ	400.000.000

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau :

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) VND
Tổng Công ty Điện tử Tin học Việt Nam	Phải trả chi phí bàn giao Công ty Nhà nước sang công ty cổ phần	(19.285.572)
Công ty cổ phần Đầu Tư XD và ứng dụng Công nghệ mới	Phải thu tiền thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.010.876.918

Tiền lương trả cho Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát như sau:

	6 tháng đầu 2011 VND	6 tháng đầu 2010 VND
Lương Ban Giám đốc	247.490.000	236.419.000
Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	51.100.000	48.600.000
	298.590.000	285.019.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

6.2 Cam kết thuê hoạt động

Cam kết thuê hoạt động


Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 204 Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho và nhà xưởng sản xuất và thuê đất tại Khu công nghiệp Hố Nai, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai để làm nhà máy sản xuất. Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả hàng năm trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không huỷ ngang như sau:

	Trong vòng 1 năm VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại 204 Nơ Trang Long	1.669.377.240	6.677.508.960	7.512.197.580	15.859.083.780
Tại Khu công nghiệp Hố Nai	216.698.952	866.795.808	7.122.568.020	8.206.062.780
	1.886.076.192	7.544.304.768	14.634.765.600	24.065.146.560



LÊ THỊ NGỌC THỦY
 Kế toán trưởng





NGUYỄN VĂN THÀNH
 Giám đốc
 Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2011

BDO VIET NAM

Ho Chi Minh City Head Office
Indochina Park Tower
4 Nguyen Dinh Chieu City, 2/F
District 1, Ho Chi Minh City
Tel.: +84 8 22200237
Fax: +84 8 22200265
Email: bdo.hcmc@bdo.vn

www.e-bdo.com/vietnam

Hanoi Office
93/B1 Cau Giay Street
Quan Hoa Ward
Cau Giay District, Hanoi
Tel.: +84 4 37670657 / 37670658
Fax: +84 4 37670555
Email: bdo.hn@bdo.vn

www.e-bdo.com/vietnam

Can Tho Office
237A5 30 Thang 4 Street
Hung Loi Ward
Ninh Kieu District, Can Tho City
Tel.: +84 710 3827888
Fax: +84 710 3823209
Email: bdo.ct@bdo.vn

www.e-bdo.com/vietnam

BDO Vietnam Co., Ltd., a limited liability company incorporated in Vietnam, is a member of BDO International Limited, a UK company limited by guarantee, and forms part of the international BDO network of independent member firms.